TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA SÚP** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST.
Ngày 20 tháng 6 năm 2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Thảo và ông Nguyễn Ngọc Phú.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Hà Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Ngụ Lê Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 46/2024/QĐST-DS ngày 23/5/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 49/2024/QĐST-Ds ngày 05/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đăng Th**, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Số 48 đường A, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Ông **Huỳnh Công S**, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1978;
Địa chỉ: Số 48 đường A, thị trấn E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.
Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1976;
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.
(Nguyên đơn có mặt còn lại các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Th, trình bày:

Do quen biết nhau nên vào ngày 22/4/2016 (âm lịch) tức ngày 28/5/2016 (dương lịch), ông có cho ông Huỳnh Công S và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 36.150.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Khi vay

hai bên có lập hợp đồng vay vốn có chữ ký xác nhận của ông S và bà T. Thời hạn trả tiền là ngày 22/12/2016 (âm lịch) tức ngày 19/01/2017 (dương lịch). Tuy nhiên khi đến thời hạn trả tiền, ông đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà T phải trả tiền nhưng ông S chỉ hứa hẹn, cố tình trốn tránh trách nhiệm và không trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông. Do đó, ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết buộc ông Huỳnh Công S và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông số tiền nợ gốc 36.150.000 đồng.

Về tiền lãi: Ông yêu cầu ông S phải trả tiền lãi từ ngày 22/4/2016 (âm lịch) tức ngày 28/5/2016 (dương lịch) đến ngày 28/11/2023 (dương lịch) là 90 tháng với lãi suất 01%/tháng là 32.535.000 đồng và tiếp tục tính lãi suất cho đến nay. Tuy nhiên tại phiên toà xét thấy vợ chồng ông S có hoàn cảnh khó khăn nên ông xin rút lại yêu cầu này và không buộc ông S, bà T phải trả lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Huỳnh Công S trình bày:

Ông không vay bất kỳ khoản tiền nào của ông Nguyễn Đăng Th. Ông chỉ nợ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của nhà ông Th từ năm 2014 cho đến nay. Đối với Hợp đồng vay vốn đề ngày 22/4/2016 (âm lịch) tức ngày 28/5/2016 (dương lịch), ông thừa nhận chữ ký trong hợp đồng phần người vay tiền là của mình, nhưng nội dung bên trong hợp đồng thì ông không biết. Do lúc đó ông đang bị bệnh, tư tưởng không thông nên ông Th đưa gì thì ông ký chứ không biết nội dung bên trong bản hợp đồng như thế nào và cũng không vay khoản tiền nào như trong hợp đồng đã ghi.

Do đó, nay ông Th khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ông Th số tiền gốc là 36.150.000đồng và tiền lãi suất thì ông không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, trình bày:

Ngày 22/4/2016 (âm lịch), vợ chồng bà có cho ông Huỳnh Công S và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 36.150.000đ. Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay vốn có chữ ký của ông S và bà T, thời hạn trả tiền là ngày 22/12/2016 (âm lịch). Tuy nhiên đến nay, ông S vẫn chưa trả tiền cho vợ chồng bà. Do đó, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th buộc ông S phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 36.150.000đồng.

Về tiền lãi: Ông Th rút yêu cầu tính lãi thì bà đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2024 và tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T đồng ý với lời trình bày của chồng bà là ông Huỳnh Công S. Bà T thừa nhận chữ ký trong Hợp đồng vay vốn ngày 22/4/2016 (âm lịch) là chữ ký của bà, nhưng nội dung bên trong hợp đồng thì bà T không biết và cũng không vay khoản tiền nào như trong hợp đồng đã ghi nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh Công S và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Th số tiền gốc đã vay là 36.150.000 đồng.

Về tiền lãi: Tại phiên toà ông Th rút yêu cầu tính lãi nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đăng Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Công S phải trả số tiền đã vay theo giấy vay vốn ngày 22/4/2016 âm lịch (tức ngày 28/5/2016 dương lịch). Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự. Tòa án nhân dân huyện Ea Súp thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo hợp đồng vay vốn do ông Th cung cấp thì ông Th cho ông S bà T vay tiền ngày 22/4/2016 và đến ngày 22/12/2016 thì ông S bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Th và thời hiệu khởi kiện được tính kể từ ngày 23/12/2016 đến ngày 23/12/2019 (theo Điều 429 BLDS năm 2015 với thời hạn là 3 năm). Như vậy đến ngày 28/12/2023 ông Th mới khởi kiện ra Toà án là hết thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Th khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Công S phải trả số tiền nợ gốc là 36.150.000 đồng theo Hợp đồng vay vốn đề ngày 22/4/2016 âm lịch (tức ngày 28/5/2016 dương lịch), bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà cho rằng ông không vay khoản tiền nào của ông Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng vay vốn ngày 22/4/2016 (âm lịch) thể hiện ông Nguyễn Đăng Th có cho ông Huỳnh Công S vay số tiền 36.150.000đ *(Ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Thời hạn trả tiền là đến ngày 22/12/2016 (âm lịch). Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay vốn và có chữ ký xác nhận của ông S và bà T. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, ông Th đã nhiều lần

yêu cầu ông S trả tiền nhưng ông S cố tình trốn tránh trách nhiệm và không trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông Th là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Huỳnh Công S và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Th, bà D số tiền nợ gốc là 36.150.000đ là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Tại phiên toà ông Th đã tự nguyện rút yêu cầu buộc ông S phải trả lãi suất, việc rút yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[4] Về án phí: Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Huỳnh Công S và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 470, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Th buộc bị đơn ông Huỳnh Công S và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Đăng Th và bà Nguyễn Thị D số tiền gốc đã vay 36.150.000đ.

Về lãi suất: Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất do ông Th đã tự nguyện rút yêu cầu.

Áp dụng khoản 2 Điều 375 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

[2] Về án phí: Tuyên buộc bị đơn ông Huỳnh Công S và bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.807.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Th số tiền 1.717.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003512 ngày 28/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên